

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

-----***-----

Số: 05/2025/CBTT-TNI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Mã chứng khoán: TNI

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3 Tháp A Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 Đường Mễ
Tri, Phường Mễ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 37871397

Fax:

Người thực hiện công bố thông tin: Đoàn Thị Thu Thủy

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0335724136

Loại thông tin công bố định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

**Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng năm
2024 kiểm toán kèm theo công văn giải trình báo cáo tài chính**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/03/2025
tại đường dẫn của Công ty: <https://thanhnamgroup.com.vn/>

Tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và
các tài liệu có liên quan

Người được ủy quyền công bố thông tin

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Đoàn Thị Thu Thủy

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(Đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3, Tháp A, Tòa nhà văn phòng Golden Palace

Số 99 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	08 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3, Tháp A, Tòa nhà văn phòng Golden Palace

Số 99 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") lập và trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101515686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 07 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18 tháng 05 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3, Tháp A, Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

- | | |
|---------------------------|---|
| ▪ Ông Nguyễn Hùng Cường | Chủ tịch kiêm đại diện pháp luật |
| ▪ Bà Trần Thị Hương Giang | Thành viên |
| ▪ Bà Đoàn Thị Thu Thủy | Thành viên |
| ▪ Ông Bùi Văn Huân | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2024) |
| ▪ Bà Nguyễn Thị Hiền | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2024) |
| ▪ Bà Phạm Thúy Hằng | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2024) |
| ▪ Bà Vũ Lan Phương | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2024) |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|------------------------|--|
| ▪ Ông Nguyễn Mạnh Lâm | Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/06/2024) |
| ▪ Bà Đoàn Thị Thu Thủy | Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/06/2024) |

Ban kiểm soát

- | | |
|-------------------------|---|
| ▪ Ông Phạm Quang Mạnh | Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 26/04/2024) |
| ▪ Bà Nguyễn Huyền Trang | Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/04/2024) |
| ▪ Bà Đỗ Thanh Thủy | Thành viên |
| ▪ Bà Phạm Thị Hằng | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2024) |
| ▪ Bà Mạc Thị Lan | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2024) |

Kế toán trưởng

- | | |
|--------------------------|---|
| ▪ Bà Bùi Thị Liễu | Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 02/04/2024) |
| ▪ Bà Nguyễn Thị Kim Oanh | Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 02/04/2024) |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3, Tháp A, Tòa nhà văn phòng Golden Palace

Số 99 đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Số: 2603/NV2/2025/ASCO/BCKiT/BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO



Phạm Thị Tố Loan

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0760-2020-149-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Nguyệt Hương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2563-2021-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		502.613.751.866	534.352.195.054
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	170.611.956.933	8.464.394.126
111	1. Tiền		3.611.956.933	8.464.394.126
112	2. Các khoản tương đương tiền		167.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		110.699.336.176	245.978.019.803
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	155.265.732.331	218.728.319.941
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.644.433.960	73.819.529.977
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	589.900.000	230.900.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(46.800.730.115)	(46.800.730.115)
140	IV. Hàng tồn kho		220.865.022.484	279.565.876.884
141	1. Hàng tồn kho	8	220.865.022.484	279.565.876.884
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		437.436.273	343.904.241
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	437.436.273	343.904.241
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		331.253.613.935	327.420.285.811
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		8.449.625.255	3.727.626.121
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	8.437.350.250	3.629.014.112
222	Nguyên giá		17.670.268.100	11.903.540.828
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.232.917.850)	(8.274.526.716)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	12.275.005	98.612.009
228	Nguyên giá		1.145.540.440	1.145.540.440
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.133.265.435)	(1.046.928.431)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	11	322.732.090.072	323.565.619.679
251	1. Đầu tư vào công ty con		114.000.000.000	114.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		210.000.000.000	210.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.267.909.928)	(434.380.321)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		71.898.608	127.040.011
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	71.898.608	127.040.011
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		833.867.365.801	861.772.480.865

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		328.214.161.946	334.341.319.459
310	I. Nợ ngắn hạn		328.214.161.946	334.341.319.459
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	35.726.927.327	48.950.594.091
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	-	2.305.067.424
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	15.873.037.448	24.567.987.731
314	4. Phải trả người lao động		332.801.535	308.676.547
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	847.050.325	661.146.721
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	4.369.751.053	1.854.361.000
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	269.708.166.327	254.337.058.014
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.356.427.931	1.356.427.931
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		505.653.203.855	527.431.161.406
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	505.653.203.855	527.431.161.406
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		525.000.000.000	525.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		525.000.000.000	525.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.811.400.000	3.811.400.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.180.283.793	4.180.283.793
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(27.338.479.938)	(5.560.522.387)
421a	- LNST lũy kế đến cuối năm trước		(5.560.522.387)	(7.458.021.720)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(21.777.957.551)	1.897.499.333
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		833.867.365.801	861.772.480.865



Bùi Thị Liễu
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 03 năm 2025



Bùi Thị Liễu
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

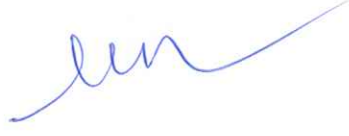
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2024	Năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	21	767.034.496.179	654.912.642.137
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		767.034.496.179	654.912.642.137
11	4. Giá vốn hàng bán	22	748.314.192.729	616.314.941.023
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ		18.720.303.450	38.597.701.114
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	15.758.806	797.258.895
22	7. Chi phí tài chính	23	25.658.707.944	24.027.850.776
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		24.611.398.886	23.593.470.455
25	8. Chi phí bán hàng	24	2.927.569.064	2.019.575.554
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9.178.775.505	16.456.038.129
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.028.990.257)	(3.108.504.450)
31	11. Thu nhập khác	26	2.506.425	5.364.579.922
32	12. Chi phí khác	27	2.751.473.719	358.576.139
40	13. Lợi nhuận khác		(2.748.967.294)	5.006.003.783
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(21.777.957.551)	1.897.499.333
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(21.777.957.551)	1.897.499.333



Bùi Thị Liễu
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 03 năm 2025



Bùi Thị Liễu
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(21.777.957.551)	1.897.499.333
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.044.728.138	1.359.660.759
03	- Các khoản dự phòng		833.529.607	6.214.387.367
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(1.603.457.947)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.138.812)	(35.301.155)
06	- Chi phí lãi vay		24.611.398.886	23.593.470.455
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		4.696.560.268	31.426.258.812
09	- (Tăng), giảm các khoản phải thu		135.278.683.627	72.554.155.385
10	- (Tăng), giảm hàng tồn kho		58.700.854.400	(57.794.464.946)
11	- Tăng, (giảm) các khoản phải trả		(9.099.621.019)	(31.667.386.187)
12	- (Tăng), giảm chi phí trả trước		(38.390.629)	151.899.363
14	- Lãi tiền vay đã trả		(24.425.495.282)	(23.876.450.973)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.189.376.911)	(13.066.052.553)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.664.186.320)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		148.259.028.134	(22.272.041.099)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác		(1.497.712.452)	(265.196.695)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	7.000.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.138.812	35.301.155
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.482.573.640)	6.770.104.460
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		692.086.753.176	606.486.184.403
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(676.715.644.863)	(590.786.776.841)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		15.371.108.313	15.699.407.562
50	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ		162.147.562.807	197.470.923
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3	8.464.394.126	8.252.916.775
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	14.006.428
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	170.611.956.933	8.464.394.126

Bùi Thị Liễu
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 03 năm 2025

Bùi Thị Liễu
Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101515686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 07 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18 tháng 05 năm 2023.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 3, Tháp A, Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 525.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm hai mươi lăm tỷ đồng), tương đương với 52.500.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh và Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, khai thác cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Đại lý môi giới, đấu giá, môi giới thương mại, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán các loại sắt thép;
- Sản xuất gia công các loại sản phẩm cơ khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 15 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 11 người).

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

S T T	Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu & Biểu quyết	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Trang trại và Năng lượng Đông Xuân	Thôn Đông Âm, Xã Đông Xuân, Huyện Quốc Oai, Tp. Hà Nội	Thương mại và sản xuất điện	95%	Công ty con trực tiếp
2	Chi nhánh tại Phú Yên-Công ty Cổ phần Trang trại và	Thôn Hảo Danh, Xã Xuân Thọ 2, Thị xã	Thương mại và sản xuất điện	95%	CN độc lập của

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAMTầng 3, Tháp A, Tòa nhà văn phòng Golden Palace
Số 99 đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

S T T	Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu & Biểu quyết	Ghi chú
	Năng lượng Đông Xuân	Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên			Công ty con
3	Công ty TNHH Điện Áp Mái Việt Nam	Thôn Suối Cối 1, Xã Xuân Quang 1, Huyện Đông Xuân, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Thương mại và sản xuất điện	95%	Công ty con gián tiếp
4	Công ty TNHH Green Solar Việt Nam	Thôn Hào Danh, Xã Xuân Thọ 2, Thị Xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Thương mại và sản xuất điện	95%	Công ty con gián tiếp
5	Công ty TNHH Hệ thống Điện Áp Mái	Thôn Phong Hậu, Xã Hội Hòa, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Thương mại và sản xuất điện	95%	Công ty con gián tiếp
6	Công ty TNHH Năng lượng Thiên Hạ Xanh	Thôn Hào Danh, Xã Xuân Thọ 2, Thị Xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Thương mại và sản xuất điện	95%	Công ty con gián tiếp
7	Công ty TNHH Năng lượng Xanh Thế giới	Thôn Hào Danh, Xã Xuân Thọ 2, Thị Xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Thương mại và sản xuất điện	95%	Công ty con gián tiếp
8	Công ty TNHH Sản xuất Năng lượng Điện Mặt trời	Thôn Hào Danh, Xã Xuân Thọ 2, Thị Xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Thương mại và sản xuất điện	95%	Công ty con gián tiếp
9	Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	Đường Hạ Long, Khu 4, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Dịch vụ khách sạn, lưu trú	30%	Công ty liên kết

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Phản ánh khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó hoặc Công ty nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết nhưng có thỏa thuận khác:

- Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận;
- Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Khi Công ty không còn quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Đầu tư vào công ty liên doanh; liên kết

Đầu tư vào công ty liên doanh phản ánh giá trị khoản đầu tư của Công ty vào công ty có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập mà Công ty có quyền đồng kiểm soát chính sách tài chính và hoạt động. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì sẽ giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác. Khi Công ty không còn ảnh hưởng đáng kể thì sẽ ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp tới hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ phát sinh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.7. Nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình và vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07 - 10

Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 - 05

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai). Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu lãi tiền gửi

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà Công ty đã thu và các khoản phạt vi phạm hợp đồng chắc chắn thu được (ngoại trừ khoản phạt về bản chất là giảm giá hàng mua, giảm thanh toán).

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.17. Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ: tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:
- + Khi ghi nhận khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này. Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	239.412.747	7.148.142.163
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.372.544.186	1.316.251.963
Các khoản tương đương tiền	167.000.000.000	-
Cộng	<u>170.611.956.933</u>	<u>8.464.394.126</u>

Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tiết kiệm online- tài khoản số 814008229773 có thời hạn 01 tháng, đến hạn ngày 26/1/2025, lãi suất 1,6%/năm. Khoản tiền gửi này đã được dùng làm tài sản cầm cố cho Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/1061128/HĐTHM tháng 8/2024, hạn mức cấp tín dụng là 171.000.000.000 VND, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân (Xem thêm thuyết minh số 18 – Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3, Tháp A, Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên thứ ba độc lập	151.766.532.331	46.800.730.115	218.728.319.941	46.800.730.115
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ T-Tech Việt Nam Asian Impex Co. Ltd (i)	37.367.476.007	-	-	-
Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Nam Thăng Long	31.123.114.871	31.123.114.862	46.305.195.686	31.123.114.862
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Síp (ii)	20.246.835.234	-	13.479.724.058	-
Công ty TNHH Một thành viên cơ khí 83	15.677.615.253	15.677.615.253	31.355.230.505	15.677.615.253
Công ty TNHH Thiết bị Hùng Phát	13.411.898.720	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Tư vấn C.H	13.343.158.474	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư-Thương mại và XNK Minh Phú	8.319.652.309	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Bất động sản	6.063.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Kosy	3.799.207.544	-	-	-
Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại Phát	2.314.980.359	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại An Thuận	99.593.560	-	42.191.396.272	-
Công ty Cổ phần Bất động sản và Xây dựng Kinh Bắc	-	-	56.227.496.483	-
Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại An	-	-	9.220.920.761	-
Phải thu khách hàng khác	-	-	15.801.687.629	-
Bên liên quan	3.499.200.000	-	4.146.668.547	-
Công ty TNHH Hệ thống Điện áp mái	518.400.000	-	-	-
Công ty TNHH Green Solar Việt Nam	518.400.000	-	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Thiên Hà Xanh	518.400.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Năng lượng điện	518.400.000	-	-	-
Công ty TNHH Điện áp mái Việt Nam	388.800.000	-	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Xanh Thế giới	518.400.000	-	-	-
CN tại Phú Yên- Công ty CP Trang trại và Năng lượng Đông Xuân	518.400.000	-	-	-
Cộng	155.265.732.331	46.800.730.115	218.728.319.941	46.800.730.115

(i) Khoản phải thu khách hàng khó đòi đối với Asian Impex Co., Ltd từ các hợp đồng cung cấp thép thời điểm tháng 06 năm 2020, số tiền là 1.920.580,93 USD (tương đương 46.305.195.686 VND). Đến ngày 31/12/2024 tổng giá trị dự phòng cho khoản phải thu trên đã được trích là 31.123.114.862 VND.

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3, Tháp A, Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

- (ii) Khoản phải thu từ Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại SIP cho các hợp đồng cung cấp thép trong năm 2021; Theo các hợp đồng được ký giữa 2 bên, thời hạn thanh toán của các khoản nợ sẽ phải thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn GTGT, theo đó khoản Công nợ của SIP đã quá hạn từ 2-3 năm. Đến ngày 31/12/2024, Công ty đã trích lập dự phòng 50% khoản phải thu với số tiền là 15.677.615.353 VND.

Với hai khoản nợ phải thu khó đòi này, theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/ĐHĐCĐ-TNI ngày 26/4/2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án trích lập dự phòng toàn bộ trong năm 2024, với giá trị dự phòng trích lập trong năm được phê duyệt là 30.859.696.077 VND. Tuy nhiên Ban điều hành Công ty đã quyết định không thực hiện việc trích lập dự phòng trong năm 2024 như được thông qua trong cuộc họp nêu trên. Lý do trong 12 tháng đầu năm 2024, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã dùng tài sản riêng của mình trả toàn bộ số nợ cho hai Công ty này (phần chưa được trích lập dự phòng) với tổng số tiền là 30.859.696.067 VND.

5. NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Asian Impex Co., Ltd	31.123.114.871	9	46.305.195.686	15.182.080.824
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại SIP	15.677.615.253	-	31.355.230.505	15.677.615.252
Cộng	46.800.730.124	9	77.660.426.191	30.859.696.076

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Trả trước người bán là bên liên quan Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	-	-	-	12.415.755.671
Trả trước người bán là bên thứ ba Công ty TNHH Quản lý Khách sạn - Bitexco	1.644.433.960	-	1.644.433.960	61.403.774.306
Công ty Cổ phần Western Homes	664.700.000	-	664.700.000	-
Hangzhou Cogeneration (HongKong) Company Limited	379.500.000	-	379.500.000	379.500.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Thép Việt	349.630.152	-	349.630.152	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á	-	-	-	36.667.652.303
Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đông Á	-	-	-	8.330.374.809
Công Ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Phát triển Hạ tầng Việt Nam	-	-	-	8.034.425.203
Trả trước người bán khác	250.603.808	-	250.603.808	7.965.574.797
Cộng	1.644.433.960	-	1.644.433.960	73.819.529.977

Trả trước người bán là bên liên quan

Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn

Trả trước người bán là bên thứ ba

Công ty TNHH Quản lý Khách sạn - Bitexco

Công ty Cổ phần Western Homes

Hangzhou Cogeneration (HongKong) Company Limited

Công ty TNHH MTV Thương mại Thép Việt

Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á

Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đông Á

Công Ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Phát triển Hạ tầng Việt Nam

Trả trước người bán khác

Cộng

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

7. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

31/12/2024		01/01/2024	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
VND	VND	VND	VND
227.900.000	-	230.900.000	-
227.900.000	-	225.400.000	-
-	-	5.500.000	-
362.000.000	-	-	-
362.000.000	-	-	-
589.900.000	-	230.900.000	-

Phải thu ngắn hạn khác là bên thứ ba
Ký cược, ký quỹ
Tạm ứng

Phải thu khác là bên liên quan
Công ty Cổ phần Trang trại và Năng lượng Đông Xuân
Cộng

8. HÀNG TỒN KHO

31/12/2024		01/01/2024	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND
5.756.938.767	-	-	-
215.108.083.717	-	279.565.876.884	-
220.865.022.484	-	279.565.876.884	-

Hàng đi đường
Hàng hóa
Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3, Tháp A, Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dung cụ quản lý VND	Công VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	3.842.908.113	598.281.934	6.165.641.493	1.296.709.288	11.903.540.828
Mua sắm	-	42.727.272	5.724.000.000	-	5.766.727.272
31/12/2024	3.842.908.113	641.009.206	11.889.641.493	1.296.709.288	17.670.268.100
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	2.429.806.501	566.699.699	4.155.332.755	1.122.687.761	8.274.526.716
Khấu hao	442.807.080	35.142.840	311.803.000	168.638.214	958.391.134
31/12/2024	2.872.613.581	601.842.539	4.467.135.755	1.291.325.975	9.232.917.850
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	1.413.101.612	31.582.235	2.010.308.738	174.021.527	3.629.014.112
31/12/2024	970.294.532	39.166.667	7.422.505.738	5.383.313	8.437.350.250

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 4.585.113.454 VND (tại ngày 31/12/2023 là 3.080.006.065 VND).

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Nhãn hiệu	Phần mềm	Cộng
	Tên thương mại	Máy tính	
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	49.100.000	1.096.440.440	1.145.540.440
31/12/2024	49.100.000	1.096.440.440	1.145.540.440
HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2024	32.733.334	1.014.195.097	1.046.928.431
Khấu hao	4.091.661	136.549.343	140.641.004
Tăng/(giảm) khác	-	(54.304.000)	(54.304.000)
31/12/2024	36.824.995	1.096.440.440	1.133.265.435
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	16.366.666	82.245.343	98.612.009
31/12/2024	12.275.005	-	12.275.005

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 1.096.440.440 VND (tại ngày 31/12/2023 là 297.920.440 VND).

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Danh sách và thông tin các Công ty con và Công ty liên kết của Công ty

Chi tiết xem tại thuyết minh số 1 – Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, mục Cấu trúc Công ty

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty con	114.000.000.000		-	114.000.000.000
Công ty Cổ phần Trang trại và Năng lượng Đông Xuân	114.000.000.000		-	114.000.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	210.000.000.000		(1.267.909.928)	210.000.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	210.000.000.000		(1.267.909.928)	210.000.000.000
Cộng	324.000.000.000		(1.267.909.928)	324.000.000.000

(*) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ	437.436.273			343.904.241
Dài hạn				
Công cụ, dụng cụ	437.436.273			343.904.241
	71.898.608			127.040.011
Cộng	71.898.608			127.040.011
	509.334.881			470.944.252

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán là bên liên quan	-	-	61.600.000	61.600.000
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	-	-	61.600.000	61.600.000
Phải trả người bán là bên thứ ba	35.726.927.327	35.726.927.327	48.888.994.091	48.888.994.091
Công ty TNHH Marubeni-Itochu Steel Việt Nam	27.530.478.218	27.530.478.218	29.908.168.186	29.908.168.186
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8	4.269.014.820	4.269.014.820	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp số 1	2.029.974.074	2.029.974.074	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Phát triển Hạ tầng Việt Nam	650.324.756	650.324.756	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển SHT	612.398.598	612.398.598	142.127.320	142.127.320
Ningbo Ningshing Trading Group Inc.	476.652.724	476.652.724	-	-
Sinomaterial International Co., Ltd	158.084.137	158.084.137	18.727.273.730	18.727.273.730
Phải trả người bán khác	-	-	111.424.855	111.424.855
Cộng	35.726.927.327	35.726.927.327	48.950.594.091	48.950.594.091

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Kim loại Công nghiệp Stavian	-	-	-	2.302.028.352
Công ty TNHH Phát triển Dầu khí Miền Trung	-	-	-	2.171.682
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Blue Earth Việt Nam	-	-	-	867.390
Cộng	-	-	-	2.305.067.424

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3, Tháp A, Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì

Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU - PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		31/12/2024	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Phát sinh có VND	Phải nộp VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	-	10.181.191.240	76.632.006.970	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	7.520.000.576	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.189.376.911	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	197.419.580	278.385.441	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-
Cộng	-	24.567.987.731	84.433.392.987	15.847.473.700
				25.563.748

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	847.050.325	661.146.721
Cộng	847.050.325	661.146.721

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Phải trả bên liên quan	4.366.401.953	1.851.276.000
Nguyễn Hùng Cường	4.345.789.000	-
Phạm Thị Hằng	20.612.953	1.276.000
Công ty Cổ phần Trang trại và Năng lượng Đông Xuân (*)	-	1.850.000.000
Phải trả bên thứ ba	3.349.100	3.085.000
Kinh phí công đoàn	3.349.100	3.085.000
Cộng	4.369.751.053	1.854.361.000

(*) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Trang trại và Năng lượng Đông Xuân theo thỏa thuận điều chuyển vốn nội bộ không lãi suất giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn theo Biên bản thỏa thuận số 01/2023/BBTT-TĐ ngày 05/01/2023.

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2024		Phát sinh trong kỳ		31/12/2024	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng ngắn hạn	254.337.058.014	254.337.058.014	692.086.753.176	676.715.644.863	269.708.166.327	269.708.166.327
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân (*)	144.357.591.497	144.357.591.497	435.193.111.704	413.536.160.678	166.014.542.523	166.014.542.523
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thủ Đức (**)	109.979.466.517	109.979.466.517	256.893.641.472	263.179.484.185	103.693.623.804	103.693.623.804
Cộng	254.337.058.014	254.337.058.014	692.086.753.176	676.715.644.863	269.708.166.327	269.708.166.327

(*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/1061128/HĐTHM tháng 8/2024, hạn mức cấp tín dụng là 171.000.000.000 VNĐ, Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, dư phát hành L/C của khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, Hợp đồng phát hành LC cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/1061128/HĐTHM ký ngày 31/7/2023. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký. Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, phát hành thẻ tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2024/1061128/HĐBĐ ngày 26/12/2024 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thanh Xuân, tài sản cầm cố cho Hợp đồng tín dụng hạn mức nêu trên là số dư tiền gửi và khoản tiền lãi của Bên cầm cố theo Hợp đồng tiền gửi online, số tài khoản 814008229773 với mệnh giá là 167.000.000.000 VNĐ.

(**) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202025391481 ký ngày 11/12/2024 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đức. Hạn mức cấp tín dụng là 104.000.000.000 VNĐ. Trong đó đã bao gồm toàn bộ cho vay, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng (LC), bao thanh toán và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích bổ sung vốn lưu động.

Tài sản bảo đảm (TSBĐ): 01 bất động sản tại Thừa đất số 197, tờ bản đồ số 79, địa chỉ: Lô B7 khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645774, số vào sổ cấp GCN: CT01687 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/11/2010 cho Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Trang, đã đăng ký chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ 001687.CN.006 ngày 17/01/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2023	525.000.000.000	3.811.400.000	4.180.283.793	(7.458.021.720)	525.533.662.073
Lãi trong năm	-	-	-	1.897.499.333	1.897.499.333
Số dư tại 31/12/2023	525.000.000.000	3.811.400.000	4.180.283.793	(5.560.522.387)	527.431.161.406
Số dư tại 01/01/2024	525.000.000.000	3.811.400.000	4.180.283.793	(5.560.522.387)	527.431.161.406
Lãi (Lỗ) trong năm	-	-	-	(21.777.957.551)	(21.777.957.551)
Số dư tại 31/12/2024	525.000.000.000	3.811.400.000	4.180.283.793	(27.338.479.938)	505.653.203.855

Cổ phiếu

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	52.500.000	52.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	52.500.000	52.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	52.500.000	52.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.500.000	52.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	52.500.000	52.500.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày tại Báo cáo tài chính hợp nhất.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Ngoại tệ các loại	247,34	306,02
- Đồng Đô la Mỹ	247,34	306,02

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng thép các loại	763.650.496.179	654.912.642.137
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.384.000.000	-
Cộng	<u>767.034.496.179</u>	<u>654.912.642.137</u>

Doanh thu với bên liên quan

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	18.953.197.112	11.754.651.436
Công ty Cổ phần Trang trại và Năng lượng Đông Xuân	3.240.000.000	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	-	14.966.769.402
Cộng	<u>22.193.197.112</u>	<u>26.721.420.838</u>

22. GIÁ VỐN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	747.805.980.152	620.931.721.744
Giá vốn cung cấp dịch vụ	508.212.577	-
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.616.780.721)
Cộng	<u>748.314.192.729</u>	<u>616.314.941.023</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	761.957.740
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	619.994	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.138.812	35.301.155
Cộng	15.758.806	797.258.895
	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	24.611.398.886	23.593.470.455
<i>Lãi vay từ các hợp đồng tín dụng</i>	<i>22.443.822.117</i>	<i>19.241.736.871</i>
<i>Lãi vay từ các hoạt động khác</i>	<i>2.167.576.769</i>	<i>4.351.733.584</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	833.529.607	434.380.321
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	213.779.451	-
Cộng	25.658.707.944	24.027.850.776

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	754.943.266	-
Chi phí nguyên vật liệu	7.860.000	-
Chi phí dụng cụ đồ dùng	25.727.273	-
Chi phí bảo hành	45.833.330	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.093.205.195	2.019.575.554
Cộng	2.927.569.064	2.019.575.554

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.473.728.145	4.993.741.614
Chi phí vật liệu quản lý	1.045.767.377	2.709.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.147.600	1.366.553.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.099.032.138	1.359.660.759
Dự phòng phải thu khó đòi	-	5.780.007.046
Các khoản thuế, phí và lệ phí	78.000.000	3.020.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.180.657.185	2.535.812.483
Chi phí bằng tiền khác	298.443.060	414.534.208
Cộng	9.178.775.505	16.456.038.129

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Khoản thu từ việc xóa nợ của đối tác (*)	-	5.078.501.161
Tiền phạt thu được	-	286.031.721
Các khoản khác	2.506.425	47.040
Cộng	2.506.425	5.364.579.922

(*) Khoản thu từ việc được xử lý công nợ theo biên bản đối chiếu và xử lý công nợ ngày 01/11/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam và Global Posco Co.,Ltd. Hai bên thống nhất Global Posco Co.,Ltd xóa nợ với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam với số tiền là 205.690,61 USD, tương đương với giá trị quy đổi là 5.078.501.161 VND.

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	2.664.186.320	120.000.000
Các khoản khác	87.287.399	238.576.139
Cộng	2.751.473.719	358.576.139

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.653.412.261	4.993.741.614
Chi phí nguyên vật liệu	1.053.627.377	-
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	112.346.600	1.369.262.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.099.032.138	1.359.660.759
Thuế và các khoản lệ phí	78.000.000	3.020.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.273.862.380	4.555.388.037
Chi phí bảo hành	45.833.330	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	5.780.007.046
Chi phí khác bằng tiền	298.443.060	414.534.208
Cộng	12.614.557.146	18.475.613.683

29. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC

Công ty không có khoản nợ tiềm tàng, và các khoản cam kết tài chính mà cần phải công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾT TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

31. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên quản lý chủ chốt có liên quan là Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Trong năm 2024, thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc là 1.572.295.998 VND (năm 2023: 1.995.277.934 VND)

Danh sách các bên liên quan: Các bên liên quan của Công ty tại ngày 31/12/2024 và trong năm 2024 bao gồm:

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát;
- Các Công ty con và Công ty liên kết (thuyết minh số 1)
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh – Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn đào Hạ Long – Công ty liên kết;
- Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn – Giám đốc là người liên quan với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Các cá nhân liên quan của người liên quan của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<u>Mua hàng hoá dịch vụ</u>		
Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	59.343.764.958	95.779.359.052
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	672.000.000	1.485.982.897
Cộng	60.015.764.958	97.265.341.949
<u>Bán hàng hóa dịch vụ</u>		
Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	18.953.197.112	11.754.651.436
Chi nhánh và Công ty con của Công ty Cổ phần Trang trại và Năng lượng Đông Xuân	3.240.000.000	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	-	14.966.769.402
Cộng	18.953.197.112	26.721.420.838
<u>Các giao dịch khác</u>		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Hùng Cường		
Tạm ứng	3.000.000.000	-
Thu tiền tạm ứng	(3.000.000.000)	(117.100.000.000)
Đi vay	74.274.439.000	-
Trả tiền vay	(69.928.650.000)	-
Cho vay	41.869.697.000	-
Thu lại tiền cho vay	(41.869.697.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAMTầng 3, Tháp A, Tòa nhà văn phòng Golden Palace
Số 99 đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty Cổ phần Trang trại và Năng lượng Đông Xuân		
Cho vay, trả lại tiền đi vay	67.080.000.000	-
Thu lại tiền cho vay	(64.868.000.000)	-
Bà Đoàn Thị Thu Thủy - PC		
Tạm ứng	2.000.000.000	-
Thu tiền tạm ứng	(2.000.000.000)	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng (đã miễn nhiệm)		
Tạm ứng	-	200.000.000
Thu tiền tạm ứng	-	(200.000.000)

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh: Công ty này đã dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – CN Thủ đô. Tài sản bảo đảm là: 01 bất động sản tại Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 79, địa chỉ: Lô B7 khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645774, số vào sổ cấp GCN: CT01687 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/11/2010 cho Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Trang, đã đăng ký chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ 001687.CN.006 ngày 17/01/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng.

Sổ dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại Thuyết minh số 6 – Trả trước người bán;
Chi tiết xem tại Thuyết minh số 7 – Phải thu khác;
Chi tiết xem tại Thuyết minh số 16 – Phải trả khác.
Chi tiết như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	3.499.200.000	-
Công ty TNHH Hệ thống Điện áp mái	518.400.000	-
Công ty TNHH Green Solar Việt Nam	518.400.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thiên Hà Xanh	518.400.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Năng lượng điện	518.400.000	-
Công ty TNHH Điện áp mái Việt Nam	388.800.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Xanh Thế giới	518.400.000	-
CN tại Phú Yên- Công ty CP Trang trại và Năng lượng Đông Xuân	518.400.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	12.415.755.671
Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	-	12.415.755.671
Phải thu khác ngắn hạn	362.000.000	-
Công ty Cổ phần Trang trại và Năng lượng Đông Xuân	362.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn	-	61.600.000
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	-	61.600.000
Phải trả khác	4.366.401.953	1.850.000.000
Nguyễn Hùng Cường	4.345.789.000	-
Phạm Thị Hằng	20.612.953	-
Công ty Cổ phần Trang trại và Năng lượng Đông Xuân	-	1.850.000.000

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh hàng hóa thép. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21 phần thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Về mặt địa lý, Công ty bán hàng trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO.

Bùi Thị Liễu
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 03 năm 2025

Bùi Thị Liễu
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị

